

Bản án số: 07/2025/HS-ST

Ngày: 08-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Mai
- Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 338/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 09/9/1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Số A đường Thống N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 và bà Bạch Thị H, sinh năm 1958; chồng: Ông Trần Duy Vũ H; có 03 con sinh năm 2004, 2005 và 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/3/2008, bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc theo quyết định số 0033619/QĐ-XPHC (đã được xóa); ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân quận G xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 223/2018/HSST; ngày 09/5/2019, bị Tòa án nhân dân quận G xử phạt 09 tháng tù về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 03 tháng tù theo bản án số 73/2019/HS-ST (đã xóa án tích); Bị bắt, tạm giữ ngày 06/6/2024; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Bà Lê Trần Uyên T, sinh năm 1969; Cư trú: đường Thống N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Cao Văn K, sinh năm 1971; Cư trú: Đường số X, Phường Y, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Hữu Trọng M, sinh năm 1995; Cư trú: đường Phạm Văn C, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 31/5/2024, bị cáo Nguyễn Thị Thùy L đến tiệm thuốc tây Lê Thy tại địa chỉ đường Thống N, Phường A, quận G, do bà Lê Trần Uyên T làm chủ để mua thuốc. Khi phát hiện tiệm thuốc không có người trông coi, trong ngăn tủ thuốc có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng, L đã dùng tay phải lấy điện thoại rồi tẩu thoát. Đến khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 01/6/2024, tại chân cầu Bến Phân thuộc Phường 15, quận G, L đã bán chiếc điện thoại vừa trộm được cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 2.500.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Khoảng 05 giờ 00 phút, ngày 03/6/2024, khi đang đi lang thang trên đường, L phát hiện cửa cuốn nhà Đường số X, Phường Y, quận G đóng nhưng vẫn có khe hở. L lén vào trong nhà, thấy ông Cao Văn K đang nằm ngủ trên ghế sofa, dưới bàn gỗ có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax đang cắm sạc. L chiếm đoạt điện thoại rồi tẩu thoát. Sau đó, L bán chiếc điện thoại nêu trên với giá 4.000.000 đồng tại cửa hàng điện thoại tại đường Phạm Văn C, Phường C, quận G do ông Phạm Hữu Trọng M quản lý. L nói với Ông M điện thoại do người khác thiếu nợ L nên đưa cho L đem bán để trừ nợ.

Qua truy xét ngày 03/6/2024, Cơ quan điều tra mời L về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra L đã khai nhận thực hiện 02 vụ chiếm đoạt điện thoại di động như đã nêu trên.

Đối với chiếc điện thoại Redmi, L khai mua được từ một nam thanh niên (không rõ lai lịch) tại trước khu vực siêu thị Lotte, địa chỉ: Số 242 Nguyễn Văn Lượng, phường 10, quận G với giá 500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản: 01 điện thoại hiệu Iphone 12 promax, dung lượng 512GB,

đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 03/06/2024, có giá trị là 11.500.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Iphone 11, dung lượng 128GB đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 31/05/2024, có giá trị là 6.266.667 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh L trộm cắp tài sản vào ngày 31/05/2024 và ngày 03/06/2024; video do Phạm Hữu Trọng M giao nộp ghi nhận L bán điện thoại Iphone 12 Promax cho Minh ngày 03/6/2024, nội dung video thể hiện L thừa nhận điện thoại Iphone 12 Promax là điện thoại chính chủ của L, L bán với giá 4.000.000 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 12 Promax 512G, số IMEI 356726112416300 do Phạm Hữu Trọng M giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đã trả cho bị hại ông Cao Văn K. Ông K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, khiếu nại gì.

- 01 điện thoại Redmi Model 22120RN86G màu đen do Phạm Hữu Trọng M giao nộp, điện thoại được mua lại của L, khi bán điện thoại L nói điện thoại do người khác cần nợ (bị khóa màn hình, không kiểm tra được tình trạng máy).

- 01 điện thoại Samsung, số IMEI 357931092474910 màu đen (thu giữ của Nguyễn Thị Thủy L).

- 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng, dung lượng 128 GB không thu hồi được.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G bị cáo L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 414/CT-VKS-QGV ngày 22/11/2024, Viện Kiểm sát nhân dân quận G, Tp. Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị Thùy L về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại bà Lê Trần Uyên T trình bày: Bà không có bất cứ yêu cầu gì trong vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị hại ông Cao Văn Khấn đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu Trọng M trình bày: Ông M đồng ý mua từ bị cáo L 01 chiếc điện thoại Iphone 12 promax với giá 4.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Remid với giá 800.000 đồng. Ông đã tự nguyện giao hai chiếc điện thoại nêu trên cho Công an quận G; ông không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.800.000 đồng mà ông đã bỏ ra để mua hai chiếc điện thoại và đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử bị cáo L.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận G vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản”. Về nhân thân, bị cáo L đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản; tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị xử lý vật chứng:

- 01 USB chứa video ghi nhận hình ảnh L trộm cắp tài sản tại 535/51 đường Thống Nhất, Phường 16, quận G và tại 81/9 đường số 59, Phường 14, quận G; chứa video do Phạm Hữu Trọng M giao nộp ghi nhận L bán điện thoại Iphone 12 Promax lưu hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax 512G, số IMEI 356726112416300 đã trả cho bị hại ông Cao Văn K. Ông M không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua điện thoại nên buộc bị cáo nộp lại số tiền 4.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại Redmi Model 22120RN86G màu đen, Ông M mua của bị cáo L với giá 800.000 đồng, khi bán bị cáo L nói điện thoại của mình, nên trả lại cho Ông M chiếc điện thoại này.

- 01 điện thoại Samsung, số IMEI 357931092474910 màu đen (thu giữ của Nguyễn Thị Thủy L), không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo L.

- 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng, dung lượng 128 GB không thu hồi được, bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo khai đã bán được 2.500.000 đồng, nên đề nghị bị cáo nộp lại sung quỹ nhà nước.

Bị hại bà T, Ông K vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ông M vắng mặt.

Bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận, bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ

luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại bà T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Ông M có yêu cầu xin vắng mặt. Bị hại Ông K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 31/5/2024, bị cáo L đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt một điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng, dung lượng 128GB của bà T giá trị tài sản trộm cắp là 6.266.667 đồng và ngày 03/6/2024, bị cáo lén lút chiếm đoạt một điện thoại di động hiệu Iphone 12 màu xanh, dung lượng 512GB của Ông K giá trị tài sản trộm cắp là 11.500.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận G đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo vì động cơ tư lợi muốn chiếm đoạt tài sản để tiêu xài cá nhân không qua lao động chân chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức án thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L hai lần thực hiện hành vi trộm cắp điện thoại di động của bà T và Ông K nên bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của bị cáo, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bà T không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại di động bị mất trộm; Ông K đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường; Ông M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bỏ ra để mua điện thoại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy:

01 (một) USB chứa video ghi nhận hình ảnh L trộm cắp tài sản; video do Phạm Hữu Trọng M giao nộp ghi nhận L bán điện thoại Iphone 12 Promax là tài liệu chứng cứ nên lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) điện thoại di động điện thoại hiệu Samsung, số Imei 357931092474910, đã qua sử dụng (thu giữ của L) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị Thùy L.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, Model 22120RN86G, đã qua sử dụng Ông M mua của bị cáo L với giá 800.000 đồng, khi bán bị cáo L nói điện thoại của mình, tại phiên tòa L xác nhận tiền mua điện thoại không phải từ tiền bán hai điện thoại trộm được nên trả lại cho Ông M chiếc điện thoại này.

Buộc bị cáo nộp 2.500.000 đồng và 4.000.000 đồng, tổng cộng là 6.500.000 đồng tiền do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

[10]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06/6/2024.

2. Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại cho bị cáo L 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei 357931092474910, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông h 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi, Model 22120RN86G, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật ngày 16/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận G và Chi cục Thi hành án dân sự quận G.)

- 01 (một) USB chứa video ghi nhận hình ảnh L trộm cắp tài sản; video do Phạm Hữu Trọng M giao nộp ghi nhận L bán điện thoại Iphone 12 Promax lưu trong hồ sơ vụ án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng tiền do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy L nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận G;
- VKSND TP.HCM;
- Cơ quan THAHS, CA quận G
- Chi cục THADS quận G;
- Sở Tư Pháp TP.HCM;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng Cúc

